

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2020

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị X - sinh năm 1981 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trương Phước T - sinh năm 1975 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A1, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/5/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị X trình bày: Tôi và chồng tôi là anh Trương Phước T có tìm hiểu nhau được 01 năm thì tự nguyện sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 2003. Hôn nhân tự nguyện nhưng không có tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi sống cùng nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chúng tôi đã tự ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là anh Trương Phước T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 người con chung tên Trương Yến Nh - sinh ngày 14/8/2005, hiện nay cháu Nh đang sống cùng tôi. Tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nh sau khi vợ chồng tôi ly hôn và tôi không yêu cầu chồng tôi là anh Trương Phước T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 22/5/2020 bị đơn anh Trương Phước T trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của vợ tôi về ngày tháng năm kết hôn, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung và về mâu thuẫn vợ chồng, tôi không có ý kiến gì thêm. Nay vợ tôi yêu cầu ly hôn thì tôi cũng thống nhất ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 người con chung tên Trương Yến Nh - sinh ngày 14/8/2005, hiện nay cháu Nh đang sống cùng vợ tôi. Tôi đồng ý giao cháu Nh cho vợ nuôi, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng: Về hôn nhân, tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi là Thị X.

Về con chung: Tôi đồng ý giao cháu Trương Yến Nh - sinh ngày 14/8/2005 cho vợ nuôi, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị X khởi kiện xin ly hôn với anh Trương Phước T được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS 2015).

Anh Trương Phước T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của BLTTDS năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị X xác lập quan hệ hôn nhân với anh Trương Phước T vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đến nay anh chị cũng không có đăng ký kết hôn. Do chị X, anh T không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp. Tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Thị X và anh Trương Phước T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Thị X và anh Trương Phước T xác định anh chị có 01 người con chung tên Trương Yến Nh - sinh ngày 14/8/2005. Tại phiên tòa xét thấy, cháu Nh đang sống cùng nhà với chị X. Chị X và anh T thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Nh cho chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đồng thời, cháu Nh cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với chị X. Do đó, giao cháu Nh cho chị X được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đúng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Trương Phước T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị X và anh T xác định anh chị không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên không có yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị X phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008896, ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị X đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Thị X và anh Trương Phước T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Yến Nh - sinh ngày 14/8/2005 cho chị Thị X được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trương Phước T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX miễn xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Thị X phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008896, ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị X đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 16 /6/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn